

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA.**

Bản án số: 47/2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tuyên
2. Ông Nguyễn Đình Vụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2023/TLST -HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1978

Bị đơn: Anh Bùi Mộng L, sinh năm 1972

Cùng HKTT: Số 6/35 Nguyễn D, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị B và anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Mộng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1997 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không quan tâm đến vợ con, quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung khiến cuộc sống ngọt ngào, căng thẳng, và thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả mà càng ngày càng trầm trọng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục và duy trì quan hệ vợ chồng được nữa nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Mộng L.

- Về con chung: Chị và anh anh Bùi Mộng L có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 15/10/2000 và cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 15/7/2007. Nguyên vọng của chị B khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Trà M đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Bùi Mộng L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày năm 1997 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Do vấn đề về kinh tế nên hay xảy ra khúc mắc với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh tha thiết để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 15/10/2000 và cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 15/7/2007. Cháu Trà M đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh L đồng ý giao cháu Th cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Tại thời điểm hiện tại anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương, chị B và anh L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị B có đơn xin ly hôn anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Bùi Mộng L.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh Th cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
Về tài sản không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Mộng L là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Mộng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không quan tâm đến vợ, không chia sẻ công việc cùng vợ, làm cho vợ bị tổn thương về tinh thần; Vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, không có tiếng nói chung khiến cuộc sống căng thẳng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị B đã không còn tình cảm với anh L. Nguyên vọng vợ chồng đoàn tụ của anh L là chính đáng nhưng anh L không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị B nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn, tạo điều kiện cho anh L để vợ chồng gần gũi nhau, hàn gắn lại tình cảm nhưng chị B vẫn cương quyết xin ly hôn anh L. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh L không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B về việc xin ly hôn anh Bùi Mộng L.

[3] Về con chung: Chị B và anh L thống nhất có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 15/10/2000 và cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 15/7/2007. Cháu Trà M đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị B và anh L thống nhất giao cháu Th cho chị B trực tiếp, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó công nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

[4] Về tài sản: Chị B và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: - Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Bùi Mộng L.

- Về con chung: Công nhận chị B và anh L có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 15/10/2000 và cháu Bùi Thanh Th, sinh ngày 15/7/2007. Cháu Trà My đã thành niên nên không giải quyết.

Công nhận sự thỏa thuận của chị B và anh L: Giao cháu Bùi Thanh Th cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị B và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002761 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị B đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh